

Chúng tôi kỳ vọng thị trường chứng khoán Việt Nam trong tháng này sẽ có xu hướng chính đi ngang, tuy nhiên sẽ có những dao động trong biên độ 1000-1080. Trong xu hướng giảm của tháng trước, ngưỡng tâm lý 1.000 đã hỗ trợ khá tốt cho thị trường. Trên thực tế, chúng tôi nhận thấy khi thị trường tiến về vùng này, áp lực bán có xu hướng giảm dần đồng thời cầu bắt đáy cũng hoạt động tương đối tốt. Rủi ro giảm trong tháng Ba có thể xuất hiện từ những thông tin liên quan tới diễn biến bất lợi hơn kỳ vọng của thị trường trái phiếu Bất động sản, Fed có thay đổi bất ngờ về kịch bản nâng lãi suất (dot-plot) trong cuộc họp tháng Ba sau những diễn biến không mấy thuận lợi gần đây của lạm phát, và những kỳ vọng kém khả quan của KQKD Q1-2023. Những thông tin trên, nếu tiêu cực hơn dự kiến, có thể khiến thị trường xuất hiện phiên wash-out quanh vùng 1.000 điểm trong bối cảnh thanh khoản ở mức thấp.

Tuy nhiên, đối với kịch bản cơ sở hiện nay, chúng tôi kỳ vọng rằng thị trường sẽ giữ được mức 1.000 khi các thông tin bất lợi là không mới, và xu hướng bán ròng của khối ngoại có thể sẽ giảm dần (VanEck VNM ETF cơ cấu lại danh mục và nâng tỷ trọng cổ phiếu Việt Nam lên 100%, trong khi các quỹ chủ động có thể sẽ giải ngân để mua lại những cổ phiếu đã chốt lời trong giai đoạn tháng 2). Hơn nữa, nhiều thông tin hỗ trợ đáng chú ý có thể sẽ dẫn được hé lộ khi mùa KQKD và ĐHCĐ đang đến gần.

Chiến lược đầu tư thận trọng tiếp tục được bảo lưu trong tháng Ba. NĐT ngắn hạn có thể dành 30 – 50% danh mục cổ phiếu hiện tại cho việc mua – bán ngắn hạn nhằm tối ưu hiệu suất đầu tư của danh mục tổng thể. **Các ý tưởng trong tháng này bao gồm PVD, PVT và ACB.**



Ban Chiến lược

Nguyễn Thị Phương Lam

lam.ntp@vdsc.com.vn

Đỗ Thanh Tùng

tung.dt@vdsc.com.vn

Lê Tự Quốc Hưng

hung.ltq@vdsc.com.vn

Trần Thị Ngọc Hà

ha.ttn@vdsc.com.vn

Bùi Đăng Cát Khánh

khanh.bdc@vdsc.com.vn

NỘI DUNG

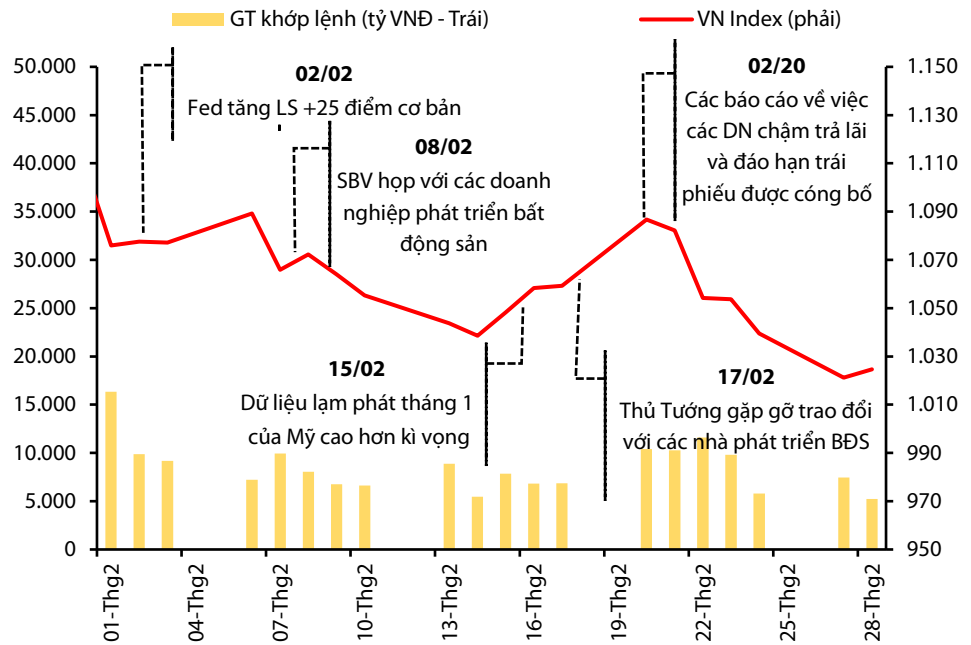
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THÁNG HAI: ẮN SỐ CÒN PHÍA TRƯỚC	3
TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG BA: ĐI NGANG CHỜ MÙA BÁO CÁO QUÝ 1	10
CHIẾN LƯỢC VÀ Ý TƯỞNG ĐẦU TƯ THÁNG BA	13
DANH SÁCH CỔ PHIẾU QUAN TÂM	19

55 mã cổ phiếu được CTCK Rồng Việt nghiên cứu (tìm hiểu, trao đổi thông tin với doanh nghiệp) và có những phân tích, đánh giá cụ thể trong các “Báo cáo phân tích công ty” hoặc “Nhật ký chuyên viên” phát hành từ trước đến nay.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THÁNG HAI: ẮN SỐ CÒN PHÍA TRƯỚC

Mặc dù FED đã giảm tốc độ tăng lãi suất xuống còn +25 điểm cơ bản trong tháng 2, dữ liệu lạm phát tháng Một của Mỹ cho thấy khả năng tăng cao trở lại và con đường đến mục tiêu lạm phát 2% dường như trở nên xa hơn. Điều này hàm ý rằng các tác động tiêu cực lên thị trường chứng khoán toàn cầu khi Fed có thể đặt đỉnh lãi suất cao hơn trong thời gian dài hơn. Trong nước, tín hiệu từ các cuộc họp giữa các nhà phát triển bất động sản và chính phủ không đủ tích cực để giữ tâm lý lạc quan về thị trường chứng khoán Việt Nam như hồi tháng Một. Ngoài ra, việc công bố các báo cáo về việc các tổ chức phát hành trái phiếu không đủ khả năng thanh toán trong nửa sau tháng Hai đã kích hoạt một đợt điều chỉnh và gần như xóa đi những thành quả đạt được trong tháng Một.

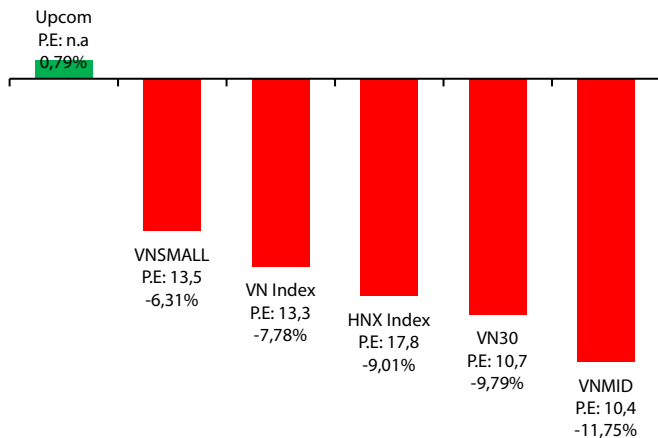
Hình 1: VN Index, Tháng 2/2023



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

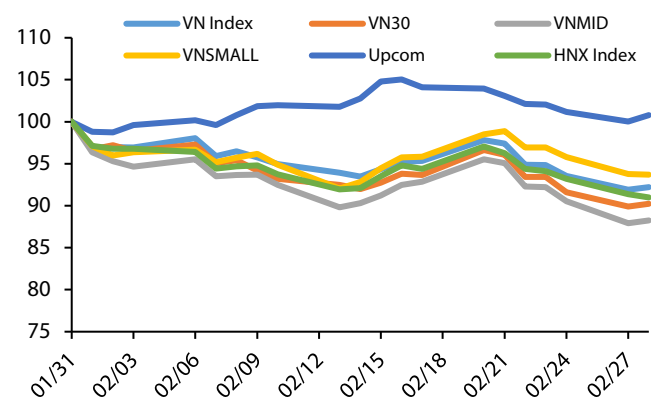
Kết quả, VN Index (-7,8%) đóng cửa tháng tại 1.024,68. Các chỉ số phụ khác cũng ghi nhận diễn biến tương tự, VN30, VN MIDCAP và VN SMALLCAP lần lượt giảm 9,79%, 11,75% và 6,31%.

Hình 2: Tỷ suất sinh lời các chỉ số chứng khoán Tháng 2/2023



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

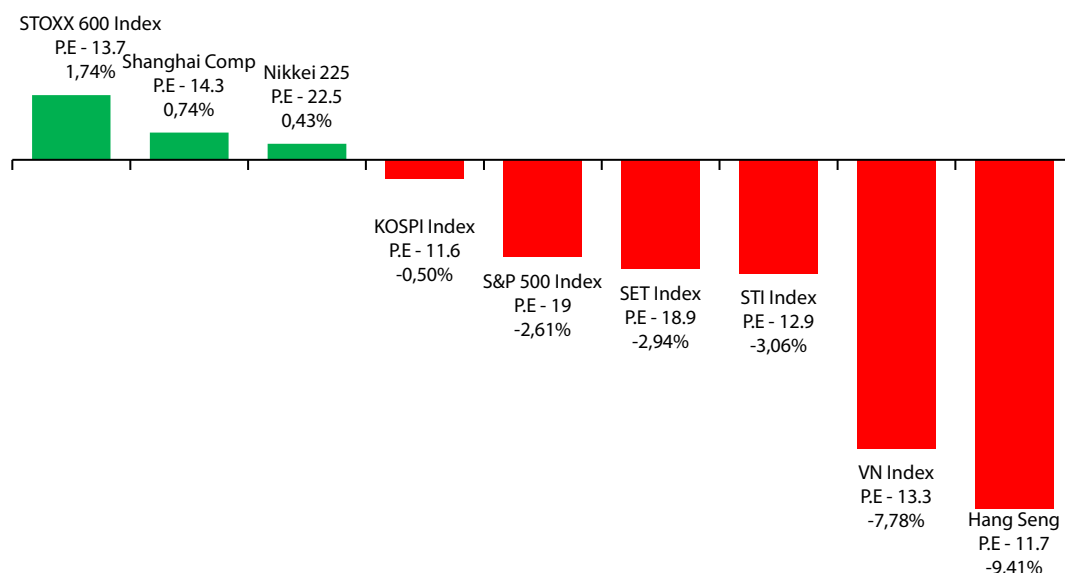
Hình 3: Diễn biến các chỉ số trong Tháng 2/2023



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

Các thị trường khác trên toàn cầu cũng bị ảnh hưởng bởi kỳ vọng lãi suất cao hơn trong thời gian dài hơn. VN Index (-7,78%) và Hang Seng (-9,41%) đảo chiều nằm trong nhóm có diễn biến kém nhất so với các chỉ số khác.

Hình 4: Diễn biến các chỉ số toàn cầu trong Tháng 2/2023



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rông Việt

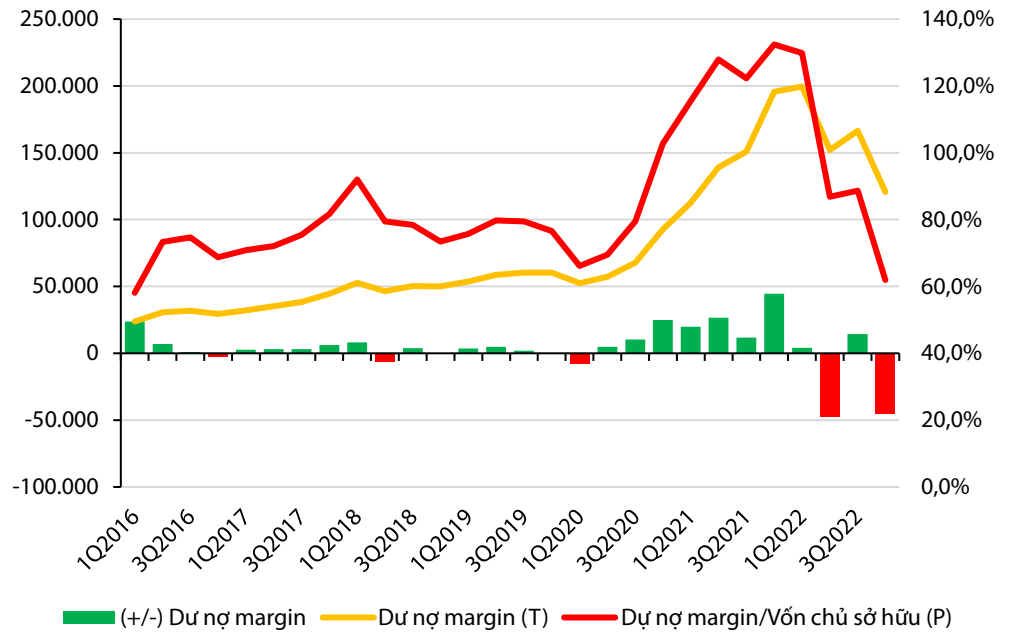
Thanh khoản tiếp tục âm ảm và chạm mức thấp lịch sử trong 12 tháng qua. Giá trị khớp lệnh bình quân trên HOSE giảm xuống 8.693 tỷ đồng/phiên (-2,1% MoM). Ngoài ra, tỷ lệ số dư ký quỹ trên tổng vốn chủ sở hữu của các công ty chứng khoán ở mức thấp nhất trong 6 năm (hình 5) tính đến cuối Q4 2022. Dường như các nhà đầu tư vẫn cân nhắc một số rủi ro phía trước (tức là khả năng vỡ nợ tiềm ẩn của thị trường trái phiếu) và tạm thời chưa vội gia nhập thị trường trở lại.

Bảng 1: Thanh khoản của các nhóm chỉ số chứng khoán trong Tháng 2/2023 (Tỷ đồng)

	VN Index	VN30	VNMID	VNSMALL	Upcom	HNX Index
Thg2-23	8,693	3,651	3,592	1,188	400	1,058
Thg1-23	8,883	3,835	3,656	1,080	391	914
Thg12-22	11,993	5,434	4,915	1,339	407	1,254
Thg11-22	9,850	4,647	3,947	1,056	349	842
Thg10-22	9,253	3,646	4,042	1,252	404	883
Thg9-22	11,772	3,737	5,660	1,838	581	1,300
Thg8-22	14,041	4,810	6,451	2,248	825	1,763
Thg7-22	10,230	3,659	4,508	1,343	675	1,143
Thg6-22	13,071	4,848	5,753	1,899	1,109	1,507
Thg5-22	13,718	5,431	5,495	2,081	725	1,619
Thg4-22	20,612	7,423	8,419	3,640	1,202	2,289
Thg3-22	24,785	7,623	10,565	4,954	1,799	3,498

Nguồn: Bloomberg, CTCK Rông Việt

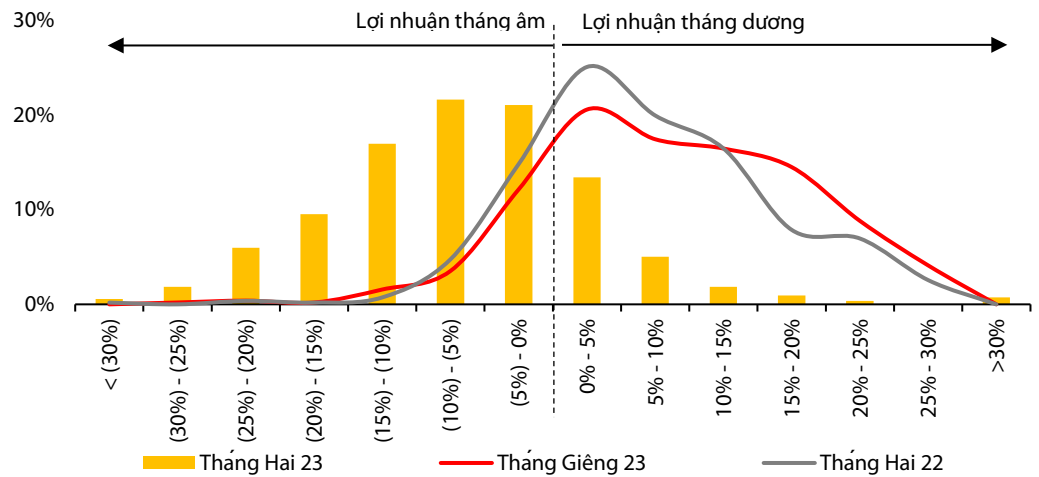
Hình 5: Tình hình dư nợ margin tại các CTCK



Nguồn: Fiinpro, CTCK Rồng Việt

Trái ngược với tháng trước và cùng kỳ năm ngoái, phân phối lợi nhuận đảo chiều chuyển dịch về phía bên trái (hình 5) khi 78% cổ phiếu ghi nhận lợi nhuận âm trong tháng Hai.

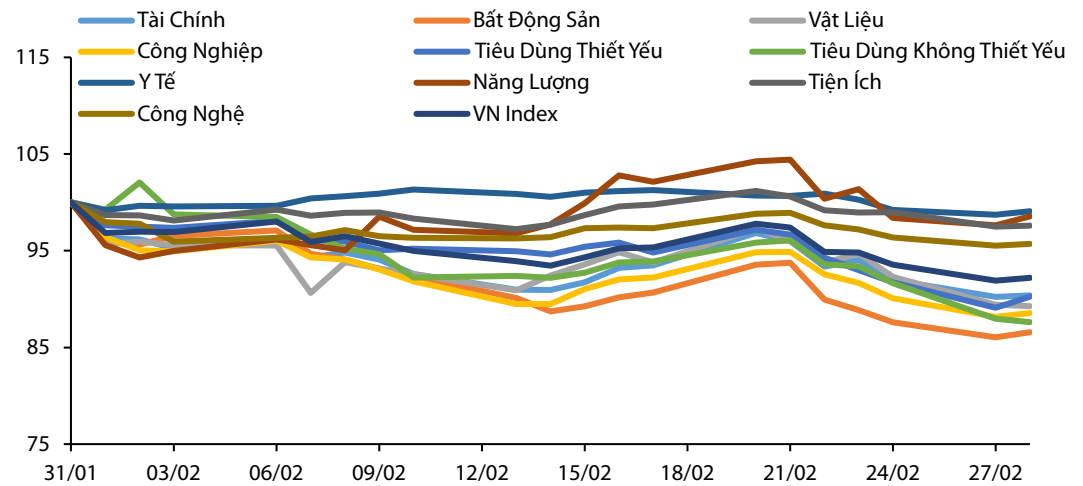
Hình 6: Phân phối lợi nhuận tháng trên sàn HSX và HNX



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

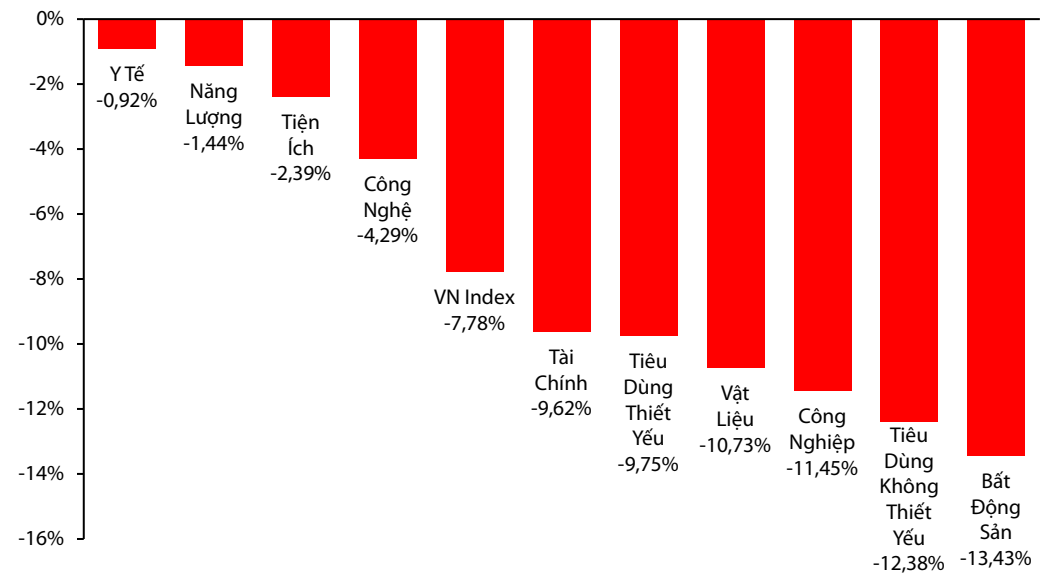
Trong số các ngành dựa trên chuẩn GICS, tất cả các nhóm ngành đều ghi nhận mức sinh lợi tháng âm. Trong đó, 7/10 nhóm ngành có hiệu suất kém hơn VN Index. Bất động sản (-13,43%) là nhóm ngành giảm nhiều nhất và ảnh hưởng nặng nề nhất lên VN Index. Trong đó, **VHM** (-18,47%), **VIC** (-7,88%), **VRE** (-10,1%) và **NVL** (-25,35%) dẫn đầu nhóm ngành giảm điểm.

Hình 7: Diễn biến các nhóm ngành trong Tháng 2/2023



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

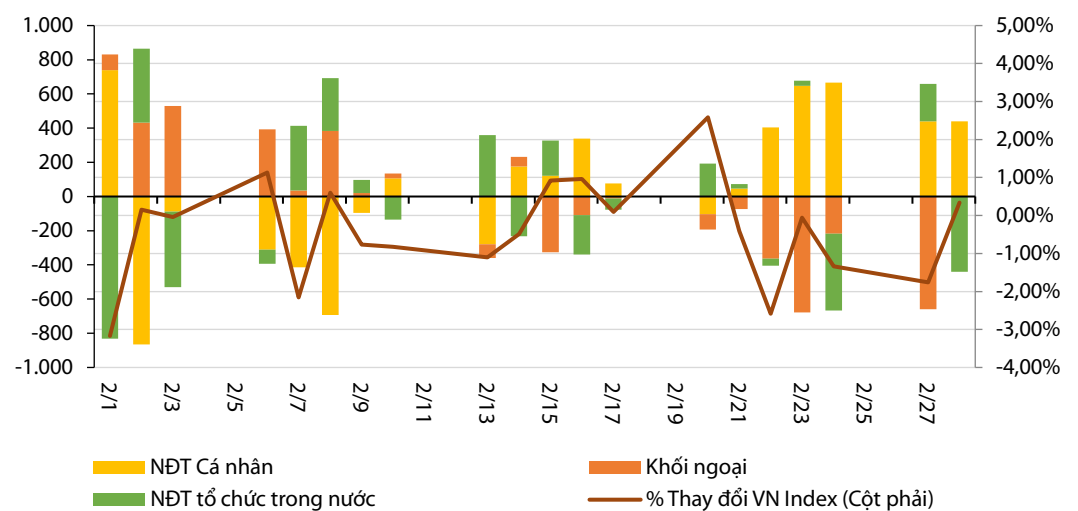
Hình 8: Suất sinh lời các nhóm ngành trong Tháng 2/2023



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

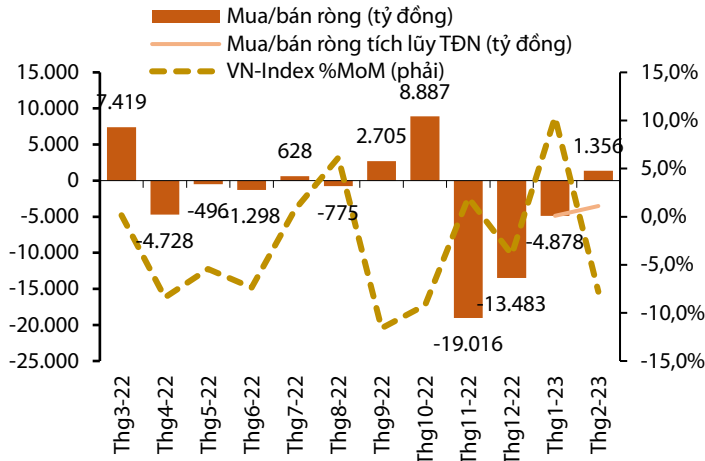
Hình 9: Diễn biến giao giữa các nhóm nhà đầu tư và suất sinh lợi của VNINDEX trong Tháng 2/2023 (Tỷ đồng)



Nguồn: Fiinpro, CTCK Rồng Việt

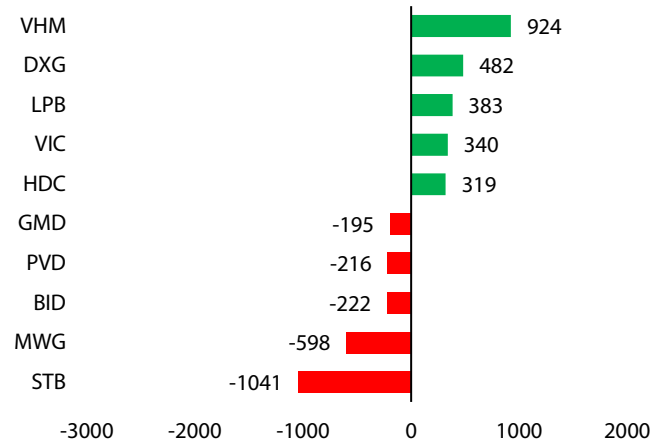
Nhà đầu tư cá nhân trong nước duy trì vị thế trái ngược với khối ngoại và nhà đầu tư tổ chức, khi nhóm này ghi nhận mua ròng 1.365 tỷ đồng trong tháng Hai.

Hình 10 : Diễn biến mua ròng/bán ròng hàng tháng của nhà đầu tư cá nhân trong nước YTD trên sàn HSX



Nguồn: Fiinpro, CTCK Rông Việt
TĐN: Từ đầu năm

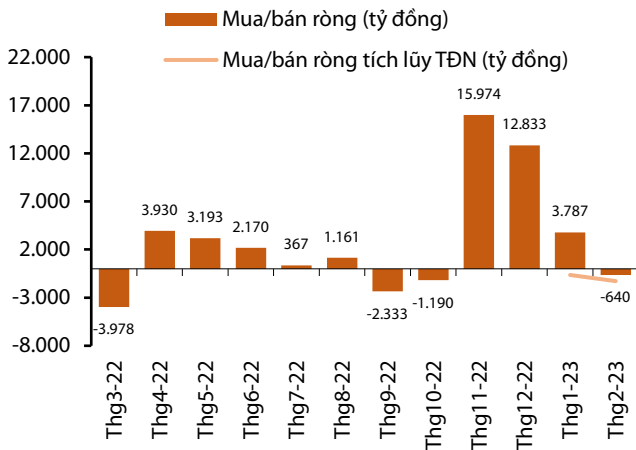
Hình 11: Danh sách các cổ phiếu được mua/bán mạnh nhất bởi nhà đầu tư cá nhân trong nước tại sàn HSX trong Tháng 2/2023 (tỷ đồng)



Nguồn: Fiinpro, CTCK Rông Việt

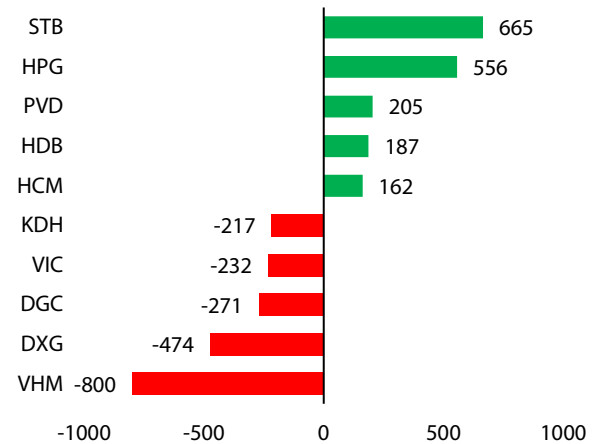
Khối ngoại đảo chiều bán ròng với mức khiêm tốn 640 tỷ đồng so với mức mua ròng lớn trong 3 tháng trước đó (Hình 12). Danh sách các cổ phiếu được mua/bán nhiều nhất được tóm tắt trong Hình 13. Ngân hàng hút ròng nhiều nhất với giá trị 715 tỷ đồng, trong khi Bất động sản bị bán ròng nhiều nhất (1.983 tỷ đồng).

Hình 12: Diễn biến mua ròng/bán ròng hàng tháng của khối ngoại YTD trên sàn HSX



Nguồn: Fiinpro, CTCK Rông Việt

Hình 13: Các cổ phiếu được nhà đầu tư nước ngoài mua/bán nhiều nhất trên HOSE trong Tháng 2/2023 (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, CTCK Rông Việt

Bảng 2: Giá trị khối ngoại mua ròng/bán ròng theo ngành trên sàn HOSE

Ngành	Giá trị giao dịch ròng (tỷ đồng)	Khối lượng giao dịch ròng (nghìn cổ phiếu)
Ngân hàng	715	22,817
Tài nguyên Cơ bản	712	34,543
Dầu khí	268	11,496
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	255	12,545
Xây dựng và Vật liệu	203	9,843
Bảo hiểm	136	3,610
Du lịch và Giải trí	78	591

Ô tô và phụ tùng	23	1,834
Hàng cá nhân & Gia dụng	15	63
Y tế	11	-40
Viễn thông	0	0
Truyền thông	0	-3
Công nghệ Thông tin	-1	-129
Bán lẻ	-7	-431
Dịch vụ tài chính	-13	-8,838
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-214	-10,850
Thực phẩm và đồ uống	-250	-1,615
Hóa chất	-587	-17,102
Bất động sản	-1,983	-87,068

Nguồn: Fiinpro, CTCK Rồng Việt

Trong tháng Hai, kỳ vọng đỉnh lãi suất dài hơn đã kéo lợi suất trái phiếu chính phủ của Mỹ cao hơn, dẫn đến dòng vốn rút ra khỏi các tài sản rủi ro trên toàn cầu. Việt Nam với tư cách là một thị trường cận biên cũng bị ảnh hưởng một phần, dòng vốn ngoại lần đầu tiên rút khỏi thị trường chứng khoán Việt Nam sau 3 tháng giải ngân mạnh mẽ. Tuy nhiên, con số này còn khiêm tốn (-23 triệu USD) so với con số lũy kế giải ngân ròng hơn 1 tỷ USD trong 3 tháng trước đó.

Dòng vốn từ các quỹ ETF tiếp tục duy trì mạnh mẽ bất chấp việc rút ròng vào cuối tháng. Các quỹ ETF nước ngoài dẫn đầu trong việc giải ngân vốn trị giá 73,0 triệu USD, các quỹ ETF trong nước cũng mua ròng trị giá 3,6 triệu USD. Trong đó, DCVFMVN30 ETF (3,4 triệu USD) dẫn đầu các quỹ nội, trong khi quỹ Xtrackers ETF (24,6 triệu USD) dẫn dắt nhóm quỹ ngoại.

Bảng 3: Dòng vốn đầu tư danh mục nước ngoài vào thị trường chứng khoán

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)		
	1Thg	3Thg	TĐN
Nhật Bản	▲ 2,132	4,358	4,358
Đài Loan	▲ 1,107	8,348	8,348
Hàn Quốc	▲ 919	6,159	6,159
Indonesia	▲ 377	173	173
Ấn độ	▲ 119	-3,541	-3,541
Sri Lanka	▲ 8	9	9
Việt Nam	▼ -23	92	92
Maylaysia	▼ -42	-124	-124
Philippines	▼ -142	-20	-20
Thái Lan	▼ -1,273	-728	-728

Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt
3thg: Từ đầu quý
TĐN: Từ đầu năm

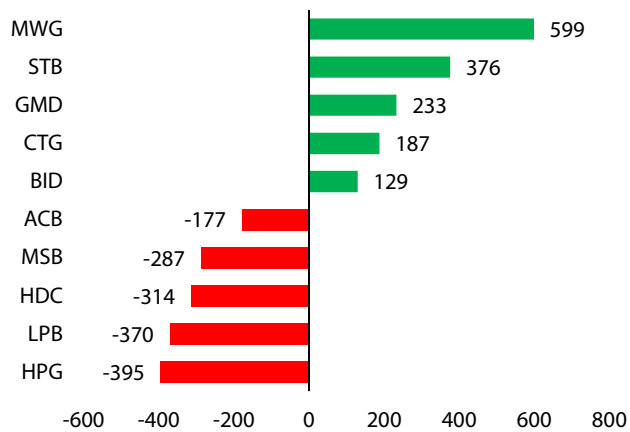
Bảng 4: Dòng vốn từ các quỹ ETF

Tên ETF	Tài sản (Triệu \$)	Lưu chuyển dòng vốn (Triệu USD)		
		1Thg	3Thg	TĐN
Tổng các quỹ ETF	3,459	▲ 76.53	▲ 78.73	▲ 225.32
ETFs ngoại	2,316	▲ 72.96	▲ 42.78	▲ 206.35
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	298	24.60	70.45	(70.90)
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	677	24.23	329.26	(49.42)
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	131	19.77	22.93	(110.59)
VanEck Vectors Vietnam ETF	476	3.70	161.30	(22.55)
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	5	0.66	0.66	(8.46)
Asian Growth CUBS ETF	10	-	-	12.97
Fubon FTSE Vietnam ETF	704	-	122.36	454.46
Premia MSCI Vietnam ETF	15	-	-	0.85
ETFs nội	1,142	▲ 3.57	▲ 35.95	▲ 18.97
DCVFMVN30 ETF Fund	358	3.38	28.50	-
SSIAM VNFIN LEAD ETF	153	0.19	13.88	-
DCVFMVN Diamond ETF	593	-	-	(24.82)
MAFN VN30 ETF	26	-	(2.30)	49.57
SSIAM VN30 ETF	3	-	-	(3.91)
VinaCapital VN100 ETF	4	-	-	-
SSIAM VNX50 ETF	6	(0.00)	(4.13)	(1.86)

Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

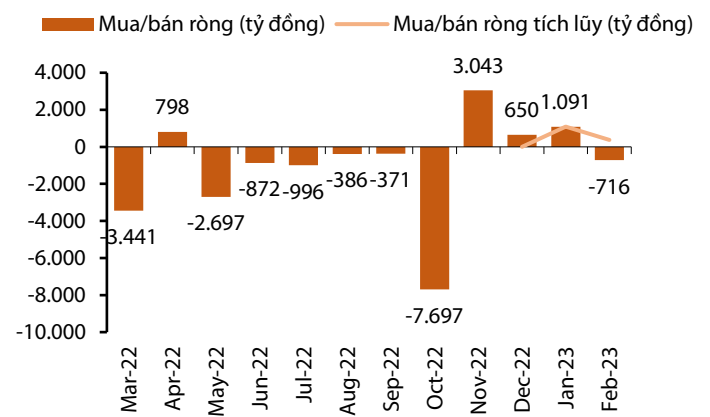
Các nhà đầu tư tổ chức trong nước vẫn cùng phía với nhóm nhà đầu tư ngoại trong Tháng Hai khi đảo chiều bán ròng 716 tỷ đồng. Các cổ phiếu được giao dịch nhiều nhất bởi các nhà đầu tư tổ chức trong nước được thể hiện trong hình 14.

Hình 14: Các cổ phiếu được nhà đầu tư tổ chức trong nước mua/bán nhiều nhất trên HOSE trong Tháng 2/2023 (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, CTCK Rông Việt

Hình 15: Hoạt động giao dịch của các nhà đầu tư tổ chức trong nước trên sàn HSX (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, CTCK Rông Việt

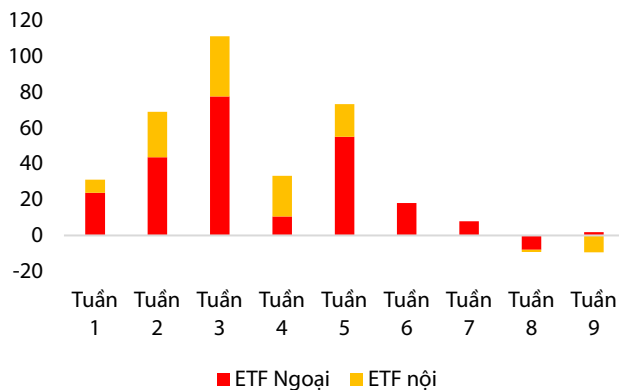
TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG BA: ĐI NGANG CHỜ MÙA BÃO CÃO QUÝ 1

Chúng tôi kỳ vọng thị trường chứng khoán Việt Nam trong tháng này sẽ có xu hướng chính đi ngang, tuy nhiên sẽ có những dao động trong biên độ 1000-1080. Trong xu hướng giảm của tháng trước, ngưỡng tâm lý 1.000 đã hỗ trợ khá tốt cho thị trường. Trên thực tế, chúng tôi nhận thấy khi thị trường tiến về vùng này, áp lực bán có xu hướng giảm dần đồng thời cầu bắt đáy cũng hoạt động tương đối tốt. Rủi ro giảm trong tháng Ba có thể xuất hiện từ những thông tin liên quan tới diễn biến bất lợi hơn kỳ vọng của thị trường trái phiếu Bất động sản, Fed có thay đổi bất ngờ về kịch bản nâng lãi suất (dot-plot) trong cuộc họp tháng Ba sau những diễn biến không mấy thuận lợi gần đây của lạm phát, và những kỳ vọng kém khả quan của KQKD Q1-2023. Những thông tin trên, nếu tiêu cực hơn dự kiến, có thể khiến thị trường xuất hiện phiên wash-out quanh vùng 1.000 điểm trong bối cảnh thanh khoản ở mức thấp. Tuy nhiên, đối với kịch bản cơ sở hiện nay, chúng tôi kỳ vọng rằng thị trường sẽ giữ được mức 1.000 khi các thông tin bất lợi là không mới, và nhiều thông tin hỗ trợ đáng chú ý có thể sẽ dần được hé lộ khi mùa KQKD và ĐHCĐ đang đến gần.

Xu hướng bán ròng của NĐT nước ngoài có thể sẽ không còn quá trọng yếu trong tháng Ba.

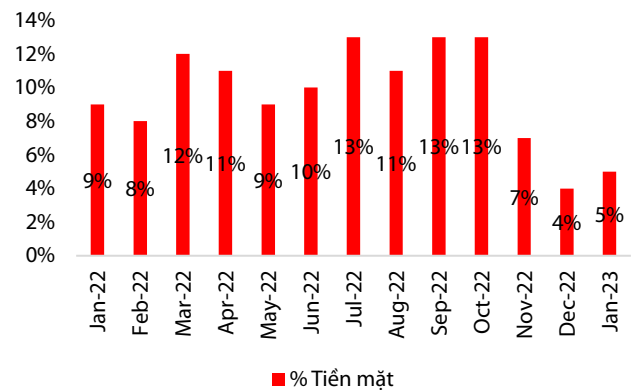
Các quỹ ETF đang có xu hướng rút ròng kể từ giữa tháng Hai tới nay với tổng giá trị bán ra trong hai tuần gần nhất là khoảng 17 triệu USD (hình 16), khoảng 400 tỷ đồng. Cùng thời điểm này, tổng giá trị bán ròng của các NĐT nước ngoài nói chung là khoảng 2.500 tỷ đồng, hàm ý các quỹ chủ động cũng đã đồng thuận trong việc bán ròng với giá trị khoảng hơn 2.100 tỷ đồng.

Hình 16: Thống kê dòng vốn ETF từ đầu năm cho thấy các quỹ ETF đang có xu hướng bị rút ròng kể từ giữa tháng Hai



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

Hình 17: Các quỹ chủ động cũng có động thái chốt lời nhẹ và tăng tỷ trọng tiền mặt trong tháng Một

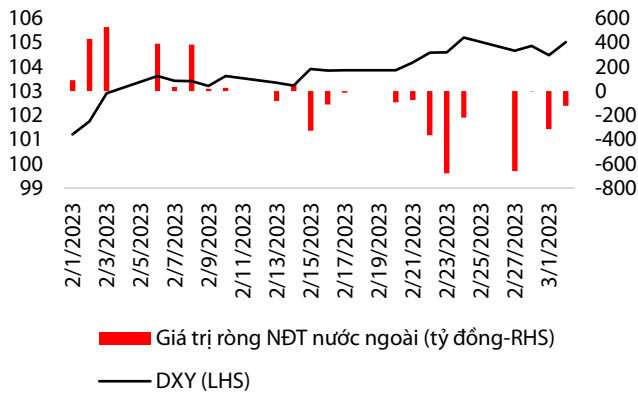


Nguồn: Fiinpro, CTCK Rồng Việt

Chúng tôi cho rằng các nguyên nhân sau có thể giải thích phần lớn cho động thái bán ròng của khối ngoại thời gian qua, trong khi quan điểm xu hướng bán ròng có thể sẽ được kiểm chế trong tháng Ba cũng được củng cố từ những sự thay đổi gần đây của các nhân tố này.

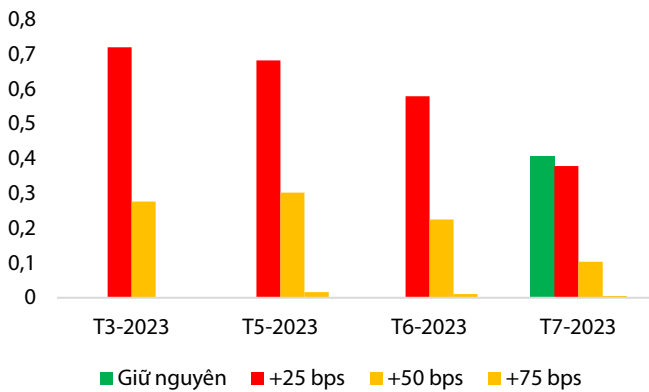
- Khoảng thời gian diễn ra xu hướng bán ròng trong tháng Hai cũng trùng với thời **điểm chỉ số đồng USD (DXY) mạnh lên bất ngờ 1%** sau khi lạm phát tháng Một tại Mỹ không giảm nhanh như dự kiến, qua đó, khiến thị trường thay đổi kỳ vọng về chính sách tiền tệ của Fed. Thị trường vẫn đang đặt cược vào khả năng Fed sẽ nâng mức lãi suất cuối cùng của năm nay lên khoảng 5,25%-5,5% (tăng 25 bps so với trước), và đã phần nào phản ánh kỳ vọng trong thời gian qua lên DXY và lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ kỳ hạn 10 năm. Do đó, chúng tôi không kỳ vọng diễn biến tỷ giá có quá nhiều biến động nằm ngoài tầm kiểm soát của SBV trong thời gian tới. Trên thực tế, SBV cũng đã điều tiết khá tốt thông qua việc hút ròng mạnh trên thị trường liên ngân hàng trong tháng Hai, và giúp tỷ giá đã hạ nhiệt nhẹ trong đầu tháng Ba (Hình 23). Chúng tôi kỳ vọng yếu tố này sẽ kiểm chế trạng thái bán ròng của khối ngoại, đặc biệt là nhóm quỹ ETF, trong tháng Ba. Ngoài ra, quỹ ETF VanEck Vectors Vietnam dự kiến sẽ cơ cấu thêm 95 triệu USD vào thị trường Việt Nam, nhằm tăng tỷ trọng cổ phiếu của Việt Nam lên 100% từ 17/3/2023, so với mức khoảng 80% hiện tại, sau khi áp theo bộ chỉ số mới Vietnam Local Index.

Hình 18: DXY và giá trị bán ròng của NĐT nước ngoài trên HOSE



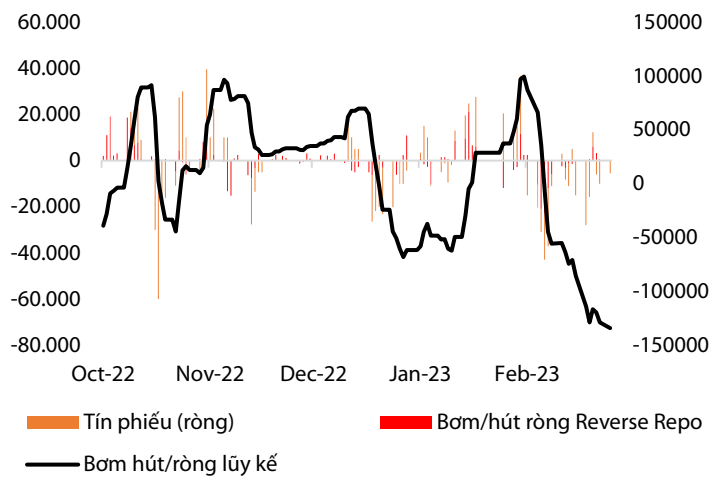
Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, CTCK Rồng Việt

Hình 20: Xác suất tăng lãi suất liên bang Fed



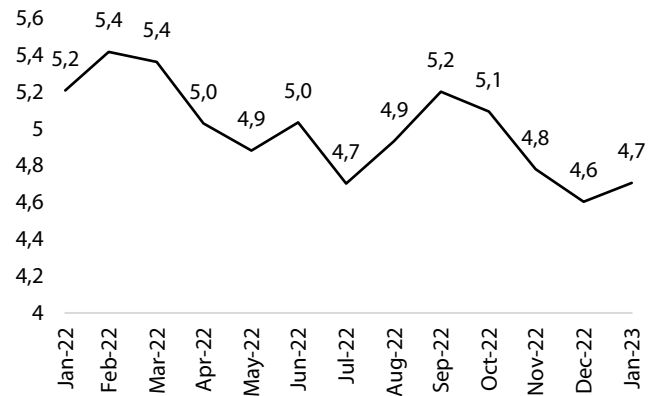
Nguồn: CME Group, CTCK Rồng Việt, dữ liệu tại ngày 2/3/2023

Hình 22: SBV liên tục hút ròng thị trường OMO trong tháng Hai (tỷ đồng)



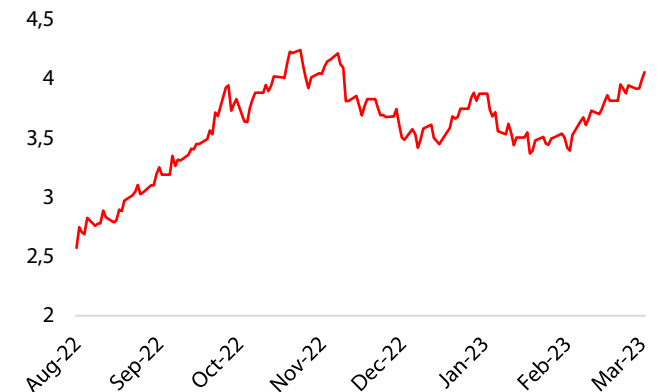
Nguồn: SBV, CTCK Rồng Việt

Hình 19: Chỉ số PCE lõi của Mỹ nhích nhẹ lên trong tháng Một



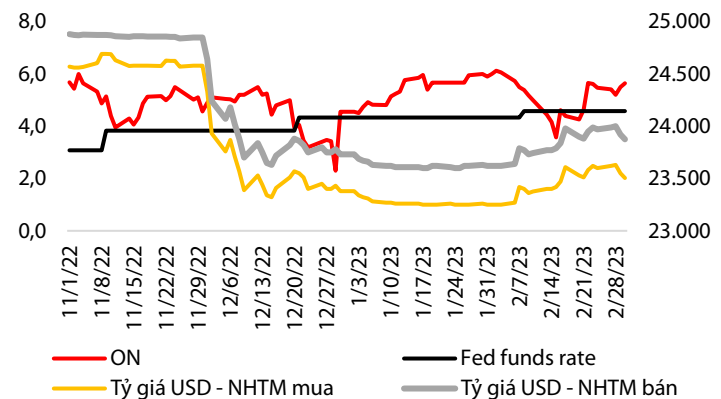
Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

Hình 21: Lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ kỳ hạn 10 năm



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

Hình 23: Tỷ giá hạ nhiệt nhẹ đầu tháng Ba



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, CTCK Rồng Việt

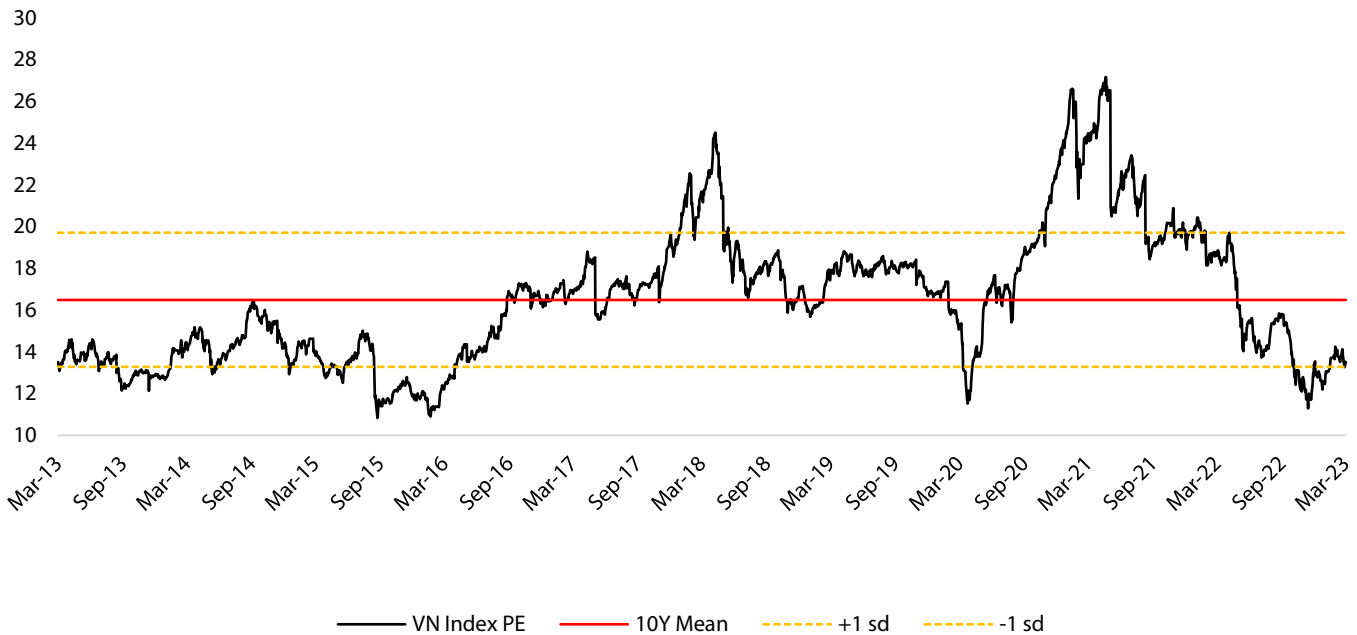
- **Lo ngại về làn sóng vỡ nợ trái phiếu BĐS** sau khi thông tin về việc NVL không thanh toán được lãi và nợ gốc trái phiếu đảo hạn trong tháng Hai. Mặc dù đây là một rủi ro lớn của thị trường tại thời điểm hiện tại nhưng nó không phải là một nhân tố bất ngờ khi những doanh nghiệp trong danh sách khất nợ trái phiếu của HNX hầu hết là những cái tên khá quen thuộc. Những diễn biến tiêu cực hơn của vấn đề này có thể sẽ liên quan tới khả năng các doanh nghiệp này bị chuyển nhóm nợ, và ảnh hưởng tới triển vọng LN của NHTM có liên quan. Tuy nhiên, chúng tôi kỳ vọng quá trình này sẽ không diễn ra trong ngắn hạn, và sẽ phụ thuộc vào hoạt động thương thảo, và xử lý từ các bên liên quan. Do đó, thị trường và nhóm NĐT nước ngoài ít có khả năng chiết khấu thêm rủi ro này vào giá trong tháng Ba.
- **Động thái chốt lời nhẹ từ các quỹ chủ động** đã tiếp diễn trong tháng Hai, sau khi tăng tỷ trọng tiền mặt thêm 1% trong tháng Một (Hình 17). Mặc dù vậy, chúng tôi cho rằng các

quỹ chủ động có thể sẽ chuyển sang mua dẫn trở lại các trạng thái cổ phiếu đã bán, sau khi VN Index đã giảm 7,8% trong tháng Hai.

Chúng tôi không quá lạc quan vào diễn biến tăng trưởng LN Q1-2023, và kéo theo đó, là định giá thị trường. Trong khi các yếu tố mới chưa xuất hiện, nhiều khả năng những kỳ vọng về KQKD Q1-2023 sẽ có tác động đáng kể hơn lên thị trường trong tháng Ba. Theo dự báo của chúng tôi, lợi nhuận của các cổ phiếu thuộc danh mục vốn hóa lớn mà Rồng Việt đang theo dõi (chiếm 74% vốn hóa VN30) khá trái chiều. Trong đó, cổ phiếu **Công nghệ** FPT có lẽ là điểm sáng duy nhất trong VN30, với kỳ vọng LNST tăng trưởng khoảng 15%-20% YoY khi đã tăng trưởng từ mảng gia công phần mềm vẫn được duy trì. Nhóm cổ phiếu **Ngân hàng** (ACB, MBB, TCB, VCB, VPB, CTG, BID) được dự báo LN tăng trưởng nhẹ từ một chữ số, được dẫn dắt chủ yếu bởi nhóm ngân hàng quốc doanh trong khi tăng trưởng tín dụng thấp công với áp lực trích lập dự phòng tín dụng có thể khiến nhóm NHTM tư nhân ghi nhận tăng trưởng âm quý thứ hai liên tiếp. Ở chiều ngược lại, Rồng Việt kỳ vọng LNST của các nhóm cổ phiếu **Bán lẻ** (MWG, PNJ), **Thép** (HPG), **F&B** (MSN, VNM), **Điện** (REE), **BDS** (KDH) sẽ tăng trưởng âm trong quý này, với biên độ giảm trung bình khoảng 20% YoY-40% YoY, do nội tại các ngành này chưa có nhiều chuyển biến thực sự tích cực.

Với những kỳ vọng trên, chúng tôi có quan điểm trung lập cho diễn biến của chỉ số trong tháng Ba, với xu hướng chủ đạo là đi ngang trong biên độ 1.000-1.080.

Hình 24: Định giá VN Index



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

Hướng đến mùa KQKD quý 1 và ĐHĐCĐ 2023

Diễn biến thị trường tiền tệ trong tháng Hai cho thấy quan điểm điều hành thận trọng của NHNN. Chúng tôi cho rằng sự thận trọng này là cần thiết và chính sách khó có thể sớm đảo chiều, đặt trong bối cảnh (1) Lãi suất điều hành của FED chưa phát tín hiệu đạt đỉnh, (2) Nhu cầu tín dụng khá thấp trong những tháng đầu năm, và (3) Áp lực đáo hạn trái phiếu doanh nghiệp trong những tháng sắp tới vẫn ở mức cao. Với sự hạn chế về dòng tiền từ NĐT trong và ngoài nước, chúng tôi giữ quan điểm chỉ số VNIndex khó có thể tăng vượt qua mức đỉnh thiết lập cuối tháng Một. Nhìn nhận ở khía cạnh tích cực, tốc độ mở cửa và phục hồi nhanh hơn của lĩnh vực sản xuất Trung Quốc (thông qua chỉ số PMI), sẽ là động lực tăng trưởng/ hồi phục của nhiều ngành nghề kinh doanh mà Việt Nam trực tiếp/ gián tiếp chịu ảnh hưởng. Chúng tôi kỳ vọng yếu tố này sẽ giúp các nhịp điều chỉnh của thị trường chưa quá mạnh, ít nhất khi mà mùa công bố KQKD quý 1 và đại hội đồng cổ đông 2023 đang đến gần.

Trong khi động lực hỗ trợ cho xu hướng tăng bền vững của thị trường chưa rõ ràng, thì rủi ro vỡ nợ, đặc biệt ở nhóm doanh nghiệp BĐS có tỷ lệ phát hành trái phiếu cao, vẫn đang hiện hữu. Do vậy, chiến lược đầu tư thận trọng tiếp tục được bảo lưu. NĐT ngắn hạn có thể dành 30 – 50% danh mục cổ phiếu hiện tại cho việc mua – bán ngắn hạn nhằm tối ưu hiệu suất đầu tư của danh mục tổng thể. NĐT có thể tham khảo một số cổ phiếu Rổng Việt ưa thích trong Bảng 6.

Ba cổ phiếu khuyến nghị trong tháng Hai thì có GMD và QNS đã giảm về vùng giá chờ mua. Trường hợp đã mua theo khuyến nghị, NĐT có thể tiếp tục nắm giữ cho đến khi KQKD Q1 được công bố, hoặc có thể hiện thực hóa lợi nhuận khi thị giá vượt giá mục tiêu của chúng tôi. Đón đầu mùa KQKD quý 1/2023, chúng tôi giới thiệu thêm ba ý tưởng mới gồm PVD, PVT và ACB.

PVD – GMT: 26.800 đồng. Với giá thuê trung bình 75.000 USD/ngày, chúng tôi cho rằng PVD sẽ có lợi nhuận từ hoạt động cốt lõi thay vì lỗ như các năm trước. Cụ thể, LNST cổ đông công ty mẹ được dự báo 344 tỷ đồng trong năm 2023 so với mức lỗ 99 tỷ đồng năm 2022. Nhu cầu giàn khoan tăng cao tại khu vực Trung Đông đã kéo các giàn khoan ở các thị trường lân cận về đây, từ đó làm giảm chênh lệch cung cầu giàn khoan ở khu vực Đông Nam Á. Cộng với việc nguồn cung hạn chế, giá cho thuê giàn tại khu vực Đông Nam Á đã đạt mức 120.000 USD/ngày và dự báo sẽ có thể đạt 160.000 USD/ngày vào năm 2024. Chúng tôi tin rằng PVD sẽ tìm được các hợp đồng khoan có mức giá cho thuê tốt hơn so với mức trung bình của năm 2023, từ đó cải thiện hơn nữa hoạt động kinh doanh trong 2024. Quý 1/2023, ước tính doanh thu 1038 tỷ đồng (-34% svck, năm ngoái có giàn thuê ngoài, doanh thu to nhưng ln thấp), LNST cổ đông cty mẹ 38 tỷ đồng (cùng kỳ lỗ 56 tỷ).

PVT – GMT: 23.300 đồng. Ở thời điểm hiện tại, giá cước các loại tàu dầu thô cũng như tàu dầu sản phẩm tiếp tục diễn biến tích cực. Do đó, chúng tôi tin rằng hoạt động kinh doanh của PVT trong ngắn hạn vẫn tiếp tục tăng trưởng so với cùng kỳ. Về dài hạn, PVT vẫn đang tiếp tục chiến lược mở rộng đội tàu cũng như thay thế các tàu cũ. Trọng tâm đội tàu vẫn là các tàu dầu thô, hóa chất và LPG. Trong năm 2023, tổng lợi nhuận của PVT nhiều khả năng sẽ giảm nhẹ do nền cao của năm 2022 (đóng góp nhiều từ hoạt động thanh lý tàu). Tuy nhiên, loại trừ yếu tố bất thường của năm 2022, hoạt động kinh doanh cốt lõi vẫn có tăng trưởng nhờ các tàu mới mua năm 2022 hoạt động xuyên suốt trong năm 2023 cũng như PVT sẽ mua thêm các tàu dầu thô (Aframax), tàu dầu sản phẩm (MR), tàu hóa chất và tàu chở LPG (VLGC). Quý 1/2023, ước tính doanh thu đạt 2261 tỷ đồng (+11,8% svck) và LNST cổ đông cty mẹ 227 tỷ đồng (+51,3% svck).

ACB – GMT: 30.000 đồng. Trong bối cảnh thị trường TPDN và nợ xấu ngành ngân hàng còn nhiều ẩn số, chúng tôi tin rằng ACB sẽ là một trong số ít ngân hàng ít bị ảnh hưởng khi các kịch bản tiêu cực xảy ra. Chính sách phát triển thận trọng, với tỷ trọng cho vay BĐS thấp và gần như không có TPDN khiến ACB gần như không thể hiện sự nổi bật so với ngành, trong nhiều năm qua sẽ được đền đáp trong giai đoạn bất ổn hiện nay. Trong kịch bản cơ sở, chúng tôi ước tính tổng thu nhập hoạt động và LNTT 2023 có thể tăng trưởng lần lượt 15,8% và 19% YoY. Riêng quý 1/2023, ước tính LNTT có thể tăng trưởng 10% YoY lên 4.526 tỷ đồng.

Bảng 5: Cổ phiếu khuyến nghị trong tháng

Mã	Ngày khuyến nghị	VHTT (tỷ đồng)	KLGDBQ 3 tháng	GMT (đồng)	Giá đóng cửa (đồng)	Vùng mua xem xét (k. đồng)	P/E (x)		PB (x)		Giá mua	Hiệu quả khuyến nghị
							TB 2015 - 19	Hiện tại	TB 2015 - 19	Hiện tại		
PVD	02/03/2023	12.063	5.134.051	26.800	21.700	18,5-19,5	68,9	-122,5	0,6	0,9	N/a	
PVT	02/03/2023	6.813	2.237.264	23.300	21.050	17,5 - 19	11,9	7,9	1,5	1,1	N/a	
ACB	02/03/2023	84.605	3.089.571	30.000	25.050	22-23	13,5	6,2	1,6	1,4	N/a	
GMD	03/02/2023	15.159	503.381	63.000	50.300	45 - 48	20,7	15,2	2,1	2,2	48.800	3,1%
FPT	03/02/2023	87.762	900.464	100.500	80.000	73-76	17,1	16,5	3,8	4,2	N/a	
QNS	03/02/2023	13.858	175.896	40.800	38.824	36-37	7,7	10,8	2,1	1,9	36.200	7,2%

Nguồn: CTCK Rồng Việt; Giá đóng cửa tại ngày 2/3/2023

Bảng 6: Cổ phiếu ưa thích năm 2023

Mã	VHTT (tỷ đồng)	GMT (đồng)	Giá đóng cửa (đồng)	Vùng mua xem xét (k. đồng)	P/E (x)		PB (x)		Nhận định
					TB 2015 - 19	Hiện tại	TB 2015 - 19	Hiện tại	
ACB	84.605	30.000	25.050	22-23	13,5	6,2	1,6	1,4	Trong bối cảnh thị trường TPDN và nợ xấu ngành ngân hàng còn nhiều ẩn số, chúng tôi tin rằng ACB sẽ là một trong số ít ngân hàng ít bị ảnh hưởng khi các kịch bản tiêu cực xảy ra. Chính sách phát triển thận trọng, với tỷ trọng cho vay BĐS thấp và gần như không có TPDN khiến ACB gần như không thể hiện sự nổi bật so với ngành, trong nhiều năm qua sẽ được đền đáp trong giai đoạn bất ổn hiện nay. Trong kịch bản cơ sở, chúng tôi ước tính tổng thu nhập hoạt động và LNTT 2023 có thể tăng trưởng lần lượt 15,8% và 19% YoY. Riêng quý 1/2023, ước tính LNTT có thể tăng trưởng 10% YoY lên 4.526 tỷ đồng.
CTG	133.600	27.300	27.800	25.5-26.5	20,1	7,9	1,6	1,2	
DBD	3.136	52.600	41.900	39-40.5	13,2	12,9	2,8	2,3	Doanh thu quý 1/2023 ước tính đi ngang (+2% YoY) do (1) Sản lượng thuốc chỉ tăng nhẹ, do mức nền cao của cùng kỳ. Sản lượng có thể tăng tốt hơn ở kênh ETC, (2) Giá bán thuốc bình quân có thể đi ngang hoặc tăng nhẹ do năm trước đã có mức tăng tốt so với năm cũ (hai nhóm thuốc chính: thuốc kháng sinh +17% YoY, ung thư +8% YoY), và (3) Số lượng nhà thuốc kênh OTC cũng đã dày hơn và khả năng các khách hàng mới sẽ đóng góp thêm được doanh thu. Nhờ giảm tỷ trọng các sản phẩm có biên thấp và tập trung SX kinh doanh thuốc với biên lợi nhuận cao, đồng thời chi phí vận chuyển giảm góp phần cải thiện biên lợi nhuận ròng. LNST Q1/2023 có thể tăng trưởng 17% YoY lên 60 tỷ đồng.
DRC	2.697	31.000	22.700	20-21	11,5	8,7	1,6	1,4	LNST Q1/2023 có thể tăng nhẹ (+6% YoY) nhờ biên LNG cải thiện, là một trong những số ít doanh nghiệp có lợi nhuận tăng trưởng dương. NĐT có thể bắt đầu giải ngân từng phần nếu cổ phiếu điều chỉnh về vùng khuyến nghị của chúng tôi.
FMC	2.383	45.000	36.450	33-34	9,3	7,8	2,2	1,2	KQKD của nhóm doanh nghiệp bán lẻ nhìn chung sẽ kém khả quan hơn so với cùng kỳ bởi sức mua yếu. Dù vậy, với mặt hàng tiêu dùng thiết yếu và thị trường tiêu thụ trung thành, chúng tôi kỳ vọng FMC có thể duy trì mức lợi nhuận tương đương hoặc chỉ giảm nhẹ so với cùng kỳ. Chúng tôi cho rằng FMC phù hợp cho mục tiêu nắm giữ dài hạn (trên 1 năm) hơn là lướt sóng ngắn hạn.
FPT	87.762	100.500	80.000	73-76	17,1	16,5	3,8	4,2	Chúng tôi cho rằng FPT là cổ phiếu an toàn và phù hợp cho NĐT dài hạn. Dù vậy, mức định giá hiện tại là chưa hấp dẫn và NĐT có thể chờ thêm để có thể tích lũy cổ phiếu với giá tốt.
GEG	4.716	15.700	14.650	12-13	12,8	15,0	1,2	1,1	Mức nền so sánh cao của Q1/2022 có thể khiến LNST Q1/2023 không có tăng trưởng dương. NĐT quan tâm cổ phiếu GEG có thể cân nhắc giải ngân khi giá cổ phiếu điều chỉnh do KQKD Q1 kém khả quan được công bố.

Mã	VHTT (tỷ đồng)	GMT (đồng)	Giá đóng cửa (đồng)	Vùng mua xem xét (k. đồng)	P/E (x)		PB (x)		Nhận định
					TB 2015 - 19	Hiện tại	TB 2015 - 19	Hiện tại	
HND	7.030	16.900	14.059	12.5-13	16,5	12,3	1,3	1,1	LNST Q1/2023 dự kiến giảm so với cùng kỳ do (1) sản lượng điện phát thấp trong khi (2) giá nhiên liệu đầu vào duy trì ở mức cao. Ước tính HND có thể chi trả cổ tức tiền mặt năm 2022 ở mức 1000 đồng/CP, tương đương tỷ suất cổ tức 7,1%. Trên cơ sở cân nhắc triển vọng lợi nhuận ngắn hạn không khả quan so với cùng kỳ, trong khi tỷ suất cổ tức chưa hấp dẫn hơn tiền gửi tiết kiệm 12 tháng, chúng tôi loại cổ phiếu HND khỏi danh mục cổ phiếu ưa thích cho năm 2023. NĐT quan tâm HND có thể chờ đợi KQKD Q1/2023 được công bố và phản ánh vào giá trước khi thực hiện giải ngân. Chúng tôi kỳ vọng HPG có thể thoát lỗ trong Q1/2023 nhờ giá thép phục hồi và sản lượng tiêu thụ vừa đủ vượt mức hòa vốn. Nếu HPG có thể sớm khởi động các lò cao còn lại, tình hình tiêu thụ thép đồng thời cải thiện so với Q1, có thể xem Q3 - 4/2022 là giai đoạn tạo đáy về lợi nhuận của doanh nghiệp. Đồng thời, câu chuyện Trung Quốc mở cửa tích cực hơn kích bản cơ sở được các tổ chức tài chính đặt ra hồi cuối năm ngoái có thể là xúc tác cho biến động giá cổ phiếu thép. Dù vậy, ở khía cạnh tiêu cực, NĐT ưa thích lướt sóng cổ phiếu thép cần cân nhắc (1) Cho đến khi nút thắt về sản lượng tiêu thụ được cởi bỏ, động lực tăng giá ngắn hạn của cổ phiếu là không lớn và áp lực điều chỉnh mạnh trở lại khá cao nếu sản lượng tiêu thụ quý 2 thấp hơn mức hòa vốn và (2) Sức ép biên lợi nhuận cao khi mà mức tăng giá bán thành phẩm chưa theo kịp đà tăng nguyên vật liệu.
HPG	119.785	21.300	20.600	18.5-19.5	4,7	14,1	1,0	1,2	Nhóm doanh nghiệp tôn mạ nhìn chung phụ thuộc nhiều vào xuất khẩu (tỷ trọng 50% hoặc hơn), do vậy, tốc độ phục hồi sản lượng tương đối chậm. Trong Q2-NĐTC2023, giá HRC diễn biến theo chiều hướng tích cực sẽ là lực đỡ biên gộp. Tuy nhiên, do chi phí quản lý - bán hàng cao do phải duy trì hệ thống bán lẻ, chúng tôi ước tính HSG chỉ vừa đủ thoát lỗ. Mức nền so sánh cao của cùng kỳ năm 2022 khiến Q1/2023 khó ghi nhận tăng trưởng lợi nhuận dương. Khả năng hiện thực hóa các hợp đồng thuê đối với một trong các khách thuê lớn đã ký MOU (Fulian - 49,6ha, Foxconn - 50,5ha, hay Goertek - 67,2 ha) sẽ biến số gây bất ngờ về KQKD năm 2023 của doanh nghiệp. Do vậy, chúng tôi cho rằng KBC cũng là một trong những cổ phiếu NĐT có thể cân nhắc giải ngân nếu có sự điều chỉnh do KQKD Q1 kém tích cực.
HSG	9.270	14.400	15.500	13-14	13,2	-8,6	0,9	0,9	
KBC	17.156	25.000	22.350	18.5-20	13,4	9,9	1,3	1,1	

KDH	17.849	37.300	24.900	22.5-23.5	15,5	16,1	1,6	1,5	Triển vọng kinh doanh của nhóm doanh nghiệp BĐS nhìn chung sẽ kém khả quan hơn so với cùng kỳ bởi sự trầm lắng của thị trường BĐS. Trong bối cảnh vĩ mô hiện tại, chúng tôi cho rằng cổ phiếu BĐS phù hợp cho mục tiêu nắm giữ dài hạn (trên 1 năm) hơn là đầu tư ngắn hạn. Và do vậy, việc tích lũy cổ phiếu nên được thực hiện nhiều đợt, trong các nhịp điều chỉnh mạnh của thị trường. Chúng tôi kỳ vọng LHG có thể duy trì tăng trưởng lợi nhuận dương từ các hợp đồng thuê đất đã nhận cọc và mằng cho thuê nhà xưởng tăng thêm từ nửa cuối năm 2022. Chúng tôi kỳ vọng LHG có thể duy trì mức cổ tức tiền tối thiểu 15% mệnh giá, tương ứng tỷ suất 7,3% so với giá đóng cửa ngày 2/3. Đây là điểm cộng với cổ phiếu này. LHG vẫn đang trong diện cảnh báo do chậm CBTT là điểm trừ đối với khả năng thanh khoản của cổ phiếu.
LHG	1.113	33.000	22.250	20-21	6,5	5,5	0,9	0,7	
MBB	78.891	22.000	17.400	15.5-16.5	8,9	4,5	1,2	1,0	Chúng tôi cho rằng chất lượng tài sản của ngân hàng cần được quan sát thêm do phơi nhiễm cao với lĩnh vực BĐS và trái phiếu doanh nghiệp.
MWG	58.974	61.900	40.300	36.5-38.5	5,2	14,3	1,9	2,5	KQKD của nhóm doanh nghiệp bán lẻ nhìn chung sẽ kém khả quan hơn so với cùng kỳ bởi sức mua yếu, đặc biệt trong mảng kinh doanh điện máy và điện thoại cho MWG. Chúng tôi cho rằng NĐT nên tạm thời quan sát với MWG cho đến khi có KQKD Q1 được công bố, trước khi quyết định giải ngân đầu tư dài hạn cổ phiếu này.
NLG	9.698	27.000	25.250	20-22.5	9,6	17,1	1,4	1,1	Triển vọng kinh doanh của nhóm doanh nghiệp BĐS nhìn chung sẽ kém khả quan hơn so với cùng kỳ bởi sự trầm lắng của thị trường BĐS. Trong bối cảnh vĩ mô hiện tại, chúng tôi cho rằng cổ phiếu BĐS phù hợp cho mục tiêu nắm giữ dài hạn (trên 1 năm) hơn là đầu tư ngắn hạn. Và do vậy, việc tích lũy cổ phiếu nên được thực hiện nhiều đợt, trong các nhịp điều chỉnh mạnh của thị trường.
PC1	7.505	26.000	27.750	22-24	8,9	16,7	1,1	1,5	
PNJ	26.338	107.000	80.300	73-76	32,6	14,3	4,3	3,1	KQKD của nhóm doanh nghiệp bán lẻ nhìn chung sẽ kém khả quan hơn so với cùng kỳ bởi sức mua yếu. Với tình hình tiêu thụ tháng 1 khá tích cực, chúng tôi kỳ vọng LNST Q1/2023 của PNJ không giảm quá mạnh so với cùng kỳ. Chúng tôi cho rằng PNJ phù hợp cho mục tiêu nắm giữ dài hạn (trên 1 năm) hơn là lướt sóng ngắn hạn. Với giá thuê trung bình 75.000 USD/ngày, chúng tôi cho rằng PVD sẽ có lợi nhuận từ hoạt động cốt lõi thay vì lỗ như các năm trước. Cụ thể, LNST cổ đông công ty mẹ được dự báo 344 tỷ đồng trong năm 2023 so với mức lỗ 99 tỷ đồng năm 2022. Nhu cầu giàn khoan tăng cao tại khu vực Trung Đông đã kéo các giàn khoan ở các thị trường lân cận về đây, từ đó làm giảm chênh lệch cung cầu giàn khoan ở khu vực Đông Nam Á. Cộng với việc nguồn cung hạn chế, giá cho thuê giàn tại khu vực Đông Nam Á đã đạt mức 120.000 USD/ngày và dự báo sẽ có thể đạt 160.000 USD/ngày vào năm 2024. Chúng tôi tin rằng PVD sẽ tìm được các hợp đồng khoan có mức giá cho thuê tốt hơn so với mức trung bình của năm 2023, từ đó cải thiện hơn nữa hoạt động kinh doanh trong 2024.
PVD	12.063	26.800	21.700	18.5-19.5	68,9	-122,5	0,6	0,9	

QNS	13.858	40.800	38.824	36-37	7,7	10,8	2,1	1,9	Giá cổ phiếu QNS đã giảm về sát mức 36.000 đồng/cp trong tháng Hai và chúng tôi kỳ vọng NĐT ưa thích QNS đã có thể mua vào tại vùng giá chờ mua. Chúng tôi khuyến nghị NĐT tiếp tục nắm giữ cho đến khi KQKD Q1/2023 được công bố, hoặc hiện thực hóa lợi nhuận khi thị giá vượt GMT của chúng tôi trên 10%.
STK	2.123	32.500	25.950	24-26	19,7	8,0	1,8	1,4	Mức nền so sánh cao của Q1/2022 có thể khiến LNST Q1/2023 không có tăng trưởng dương. Dù vậy, chúng tôi cho rằng triển vọng kinh doanh kém khả quan này đã được phản ánh phần nhiều vào giá. NĐT quan tâm cổ phiếu STK có thể cân nhắc giải ngân khi giá cổ phiếu điều chỉnh do KQKD Q1 kém khả quan được công bố.
VCB	441.071	90.200	93.200	85-88	42,9	14,8	5,7	3,2	VCB là một trong những ngân hàng ưa thích của chúng tôi bởi chính sách tín dụng và quan điểm lập dự phòng thận trọng của ngân hàng. Dù vậy, chúng tôi cho rằng mức định giá hiện tại là chưa hấp dẫn và NĐT có thể chờ thêm để có thể tích lũy cổ phiếu với giá tốt.
VNM	159.882	93.800	76.500	70-72.5	12,0	18,8	4,8	5,4	KQKD Q1/2023 nhiều khả năng sẽ thấp hơn với cùng kỳ do chi phí đầu vào và chi phí bán hàng dự báo duy trì ở mức cao. NĐT nên kiên nhẫn chờ giá cổ phiếu giảm về vùng chờ mua mục tiêu của chúng tôi và giải ngân từng phần.
VPB	116.138	18.800	17.300	15.8-16.5	5,1	6,4	1,0	1,2	Chúng tôi cho rằng chất lượng tài sản của ngân hàng cần được quan sát thêm do phơi nhiễm cao với lĩnh vực BĐS và trái phiếu doanh nghiệp.

Nguồn: CTCK Rồng Việt; Giá đóng cửa tại ngày 2/3/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU QUAN TÂM

Mã	Sàn	VHTT (triệu USD)	Giá mục tiêu (đồng)	Giá @3/3/2023 (đồng)	Lợi nhuận kỳ vọng (%)	Khuyến nghị	2022		2023F		2024F		PE 2023F (x)	PE 2024F (x)	PB hiện tại (x)	Tỷ suất cổ tức (%)	±/ Giá 1 năm (%)	GTGDĐQ 3 tháng (nghìn USD)
							±/ - DT (%)	±/ - LNST (%)	±/ - DT (%)	±/ - LNST (%)	±/ - DT (%)	±/ - LNST (%)						
MWG	HOSE	2.488	61.900	40.300	57%	Mua	8,5	-16,3	5,1	27,4	9,1	53,8	11,6	7,7	2,5	3,7	-39,6	7.567,6
LHG	HOSE	47	33.000	22.250	57%	Mua	-19,5	-31,7	29,5	71,2	23,3	34,1	3,4	2,5	0,7	8,5	-54,7	81,7
KDH	HOSE	736	37.300	24.900	50%	Mua	-22,1	-8,3	13,0	23,1	36,0	3,7	13,1	12,5	1,5	0,0	-49,9	2.894,3
PHR	HOSE	231	54.000	40.850	42%	Mua	-12,2	85,7	2,4	-40,4	-3,5	-13,9	10,5	12,2	1,7	9,8	-44,2	928,4
DRC	HOSE	113	31.000	22.700	42%	Mua	11,9	6,1	11,4	14,8	5,6	12,1	8,5	7,5	1,4	5,3	-24,6	300,2
BFC	HOSE	39	20.800	16.600	37%	Mua	10,8	-35,0	4,4	30,3	-19,2	-32,8	6,5	8,5	0,9	12,0	-45,4	64,9
HAX	HOSE	48	20.900	15.700	36%	Mua	22,0	49,5	5,9	-1,4	-0,6	0,8	3,9	3,8	1,0	3,2	-48,0	287,5
PNJ	HOSE	1.061	107.000	80.300	36%	Mua	73,3	75,6	0,5	2,3	21,7	30,0	11,2	10,6	3,0	2,5	1,1	1.719,0
DPR	HOSE	93	65.800	51.500	34%	Mua	0,4	-44,4	0,0	0,0	-3,6	84,7	5,3	5,0	0,9	5,8	-29,4	192,5
IMP	HOSE	139	63.000	49.950	29%	Mua	29,8	23,7	1,9	2,6	0,0	-0,1	15,8	15,8	1,8	3,0	-37,3	14,7
FMC	HOSE	99	45.000	36.450	29%	Mua	9,7	15,2	11,0	16,1	5,8	12,0	6,7	6,0	1,2	5,5	-38,8	73,7
MSN	HOSE	4.775	101.400	79.000	28%	Mua	-14,0	-58,3	7,5	-16,8	5,6	45,1	37,9	28,3	4,4	0,0	-37,8	5.682,0
FPT	HOSE	3.680	100.500	80.000	28%	Mua	23,4	22,1	18,3	24,4	16,0	23,0	13,4	10,9	4,2	2,5	5,6	5.202,4
VHC	HOSE	436	70.500	56.600	28%	Mua	46,0	80,0	-9,0	-19,8	3,1	0,8	6,7	8,0	1,4	3,5	-24,8	1.430,8
VNM	HOSE	6.697	93.800	76.500	28%	Mua	-1,6	-19,1	11,1	34,2	6,8	7,5	15,5	14,5	5,4	5,0	2,3	5.991,6
HND	UPCOM	291	16.900	14.059	27%	Mua	16,4	25,3	4,8	70,3	0,9	22,2	7,7	6,6	1,1	7,1	-24,5	8,6
MSH	HOSE	104	40.000	33.000	27%	Mua	16,3	-23,7	-6,8	6,9	9,7	13,4	7,1	6,2	1,6	6,1	-34,0	128,7
STK	HOSE	90	32.500	25.950	27%	Mua	3,5	-13,7	5,6	7,7	23,0	12,7	8,2	7,3	1,4	1,9	-43,8	72,8
MBB	HOSE	3.334	22.000	17.400	26%	Mua	23,4	37,7	7,5	11,9	34,3	50,5	3,8	3,0	1,1	0,0	-37,7	8.615,1
GMD	HOSE	634	63.000	50.300	26%	Mua	22,1	62,5	4,6	100,4	7,4	-63,5	8,3	22,6	2,2	1,0	3,5	1.577,0
DBD	HOSE	132	52.600	41.900	26%	Mua	-0,2	29,0	4,2	13,2	8,4	10,5	11,4	10,3	2,3	0,0	3,5	246,3
PVD	HOSE	510	26.800	21.700	24%	Mua	35,9	-604,0	25,8	N/A	9,6	88,1	35,1	18,9	0,9	0,0	-16,8	4.189,9
TCB	HOSE	4.001	33.000	27.200	21%	Mua	10,3	11,6	15,9	3,7	11,5	29,9	4,6	3,5	0,9	0,0	-45,7	9.227,9
HDB	HOSE	1.855	21.800	18.000	21%	Mua	31,1	28,0	17,2	15,0	27,3	51,7	4,2	2,7	1,2	0,0	-22,5	2.759,0
VSC	HOSE	149	34.000	29.050	20%	Mua	6,1	-10,2	2,1	4,4	5,5	1,7	10,7	10,6	1,3	3,4	-20,4	1.677,5
ACB	HNX	3.539	30.000	25.050	20%	Tích lũy	22,2	42,5	8,0	9,0	25,2	30,4	5,7	5,3	1,5	0,0	-7,1	5.983,8
HDG	HOSE	306	35.900	30.000	20%	Tích lũy	-3,6	2,2	-2,1	26,8	-0,5	2,9	6,5	5,8	1,3	0,0	-48,3	1.939,0
DPM	HOSE	568	36.700	34.850	20%	Tích lũy	45,7	79,2	-22,8	-45,8	-12,8	-41,6	4,5	7,7	1,0	14,3	-26,6	3.185,3
CMG	HOSE	257	46.800	40.450	16%	Tích lũy	30,1	27,4	9,2	40,1	17,4	30,2	14,4	11,0	2,5	0,0	2,9	85,7
ACV	UPCOM	7.559	96.600	83.854	15%	Tích lũy	191,1	801,8	26,7	-0,7	30,3	31,6	25,8	19,6	4,1	0,0	-12,1	255,7



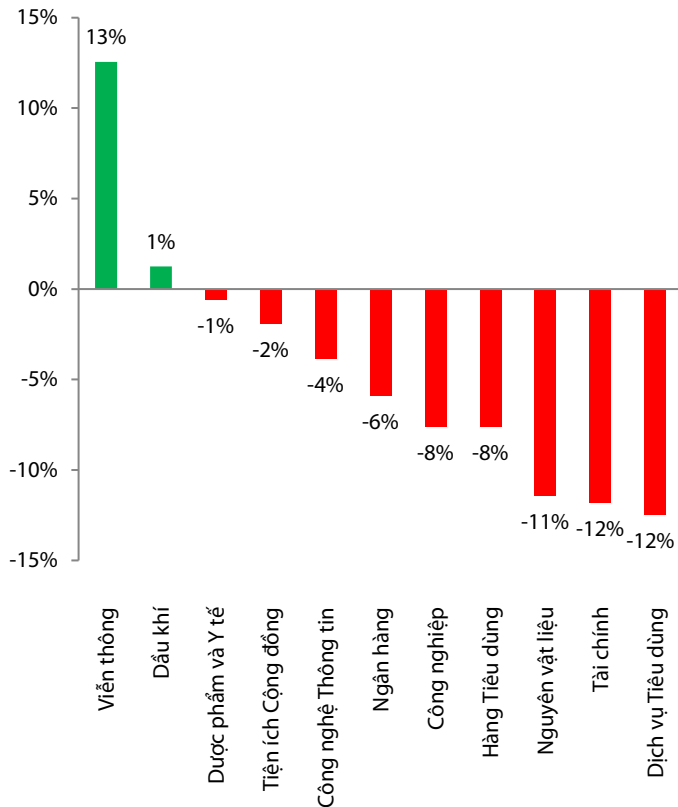
Mã	Sàn	VHTT (triệu USD)	Giá mục tiêu (đồng)	Giá @3/3/2023 (đồng)	Lợi nhuận kỳ vọng (%)	Khuyến nghị	2022		2023F		2024F		PE 2023F (x)	PE 2024F (x)	PB hiện tại (x)	Tỷ suất cổ tức (%)	+/- Giá 1 năm (%)	GTGDBQ 3 tháng (nghìn USD)
							+/- DT (%)	+/- LNST (%)	+/- DT (%)	+/- LNST (%)	+/- DT (%)	+/- LNST (%)						
FRT	HOSE	354	80.300	70.900	15%	Tích lũy	34,1	-12,0	18,4	8,1	15,4	28,4	19,9	15,5	4,2	1,4	-12,9	2.648,4
HAH	HOSE	100	37.700	33.750	15%	Tích lũy	63,9	86,1	-13,1	-39,7	2,0	-3,1	4,8	4,9	1,0	3,0	-41,2	2.936,3
REE	HOSE	1.007	77.000	68.700	14%	Tích lũy	61,3	45,0	-12,0	-1,3	17,8	18,7	9,2	7,8	1,6	1,5	7,4	1.258,4
PVT	HOSE	279	23.300	21.050	13%	Tích lũy	21,3	30,6	2,5	-4,2	2,2	-6,9	8,8	9,4	1,1	2,4	-17,2	1.888,9
QNS	UPCOM	582	40.800	38.824	13%	Tích lũy	12,6	2,5	3,5	8,4	0,0	0,0	8,6	8,6	1,9	7,7	-6,7	397,1
KBC	HOSE	713	25.000	22.350	12%	Tích lũy	-77,5	97,8	452,5	-26,1	0,0	-0,4	15,0	15,1	1,1	0,0	-48,3	5.294,8
NLG	HOSE	403	27.000	25.250	11%	Tích lũy	-16,6	-48,1	65,6	170,0	29,4	8,7	9,3	8,9	1,1	4,0	-54,4	1.662,2
SCS	HOSE	284	76.500	72.600	10%	Tích lũy	1,4	14,6	5,3	1,4	9,9	12,2	11,6	10,3	4,7	4,8	-13,3	149,3
GEG	HOSE	193	15.700	14.650	10%	Tích lũy	51,6	11,6	3,9	20,7	2,8	22,3	14,1	11,5	1,1	2,7	-43,6	754,0
VPB	HOSE	4.881	18.800	17.300	9%	Tích lũy	30,5	55,1	5,5	-1,3	8,4	12,7	6,7	5,7	1,2	0,0	-30,7	19.911,0
HPG	HOSE	5.064	21.300	20.600	8%	Tích lũy	-5,5	-75,4	-9,1	75,0	7,1	4,1	7,5	7,2	1,3	4,9	-41,1	24.193,7
NT2	HOSE	351	29.400	30.800	4%	Trung lập	42,9	36,6	0,4	-1,8	9,5	31,7	12,7	9,6	1,9	8,1	34,8	720,0
TNG	HNX	79	17.200	17.900	1%	Trung lập	24,5	25,8	-6,5	-6,2	23,4	-1,3	7,0	7,5	1,1	4,5	-39,1	1.400,5
CTG	HOSE	5.657	27.300	27.800	-2%	Trung lập	21,5	20,0	4,3	-0,3	11,1	26,1	11,3	7,6	1,3	0,0	-15,2	4.404,0
PPC	HOSE	199	14.300	15.500	-2%	Trung lập	32,3	72,4	40,5	45,7	25,5	25,0	12,0	10,7	0,9	5,8	-31,4	48,4
OCB	HOSE	916	15.800	16.200	-2%	Trung lập	-4,3	-20,3	7,3	-5,4	12,5	23,2	7,4	5,9	0,9	0,0	-39,4	961,1
VCB	HOSE	18.339	90.200	93.200	-3%	Trung lập	20,0	36,4	3,6	-9,7	27,1	51,6	16,4	13,2	3,2	0,0	9,4	4.548,0
ELC	HOSE	31	11.400	12.400	-6%	Giảm	31,0	-34,8	28,2	66,6	2,2	5,6	14,5	13,7	0,8	2,4	-37,5	115,3
PC1	HOSE	321	26.000	27.750	-6%	Giảm	-15,2	-35,3	21,2	47,6	5,4	40,4	12,6	8,9	1,5	0,0	-15,3	2.144,9
HSG	HOSE	387	14.400	15.500	-7%	Giảm	17,0	-124,0	-30,6	70,1	6,5	16,6	23,4	20,0	0,9	0,0	-52,2	9.520,7
PVS	HNX	538	21.500	26.700	-17%	Giảm	15,6	28,5	17,6	4,2	-1,9	-12,9	17,6	20,2	1,1	2,6	-20,3	6.278,8
BID	HOSE	9.622	37.400	46.400	-19%	Giảm	11,4	72,6	7,9	10,5	14,0	1,4	15,6	15,4	2,3	0,2	3,5	2.837,5
TCM	HOSE	176	39.800	51.300	-21%	Bán	22,7	96,0	-7,1	-6,2	8,0	38,4	17,9	18,6	2,1	1,0	-16,0	1.448,1

Nguồn: CTCK Rồng Việt; dữ liệu tại ngày 02/03/2023



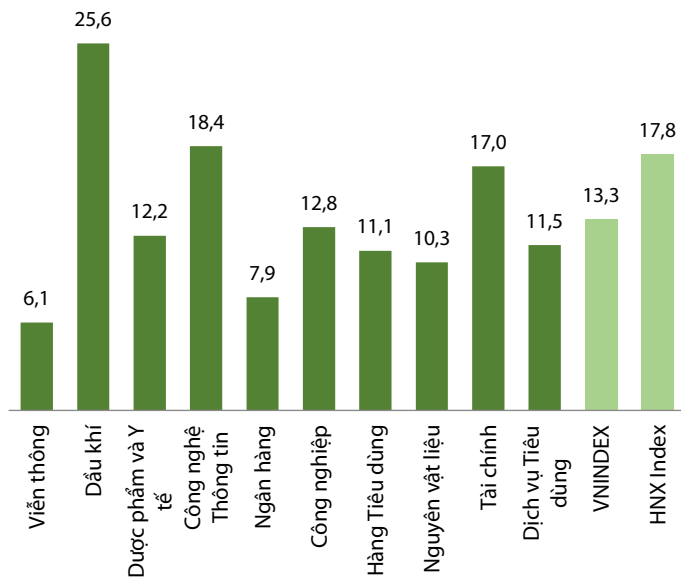
CHỈ SỐ CÁC NHÓM NGÀNH

Biến động nhóm ngành cấp 1



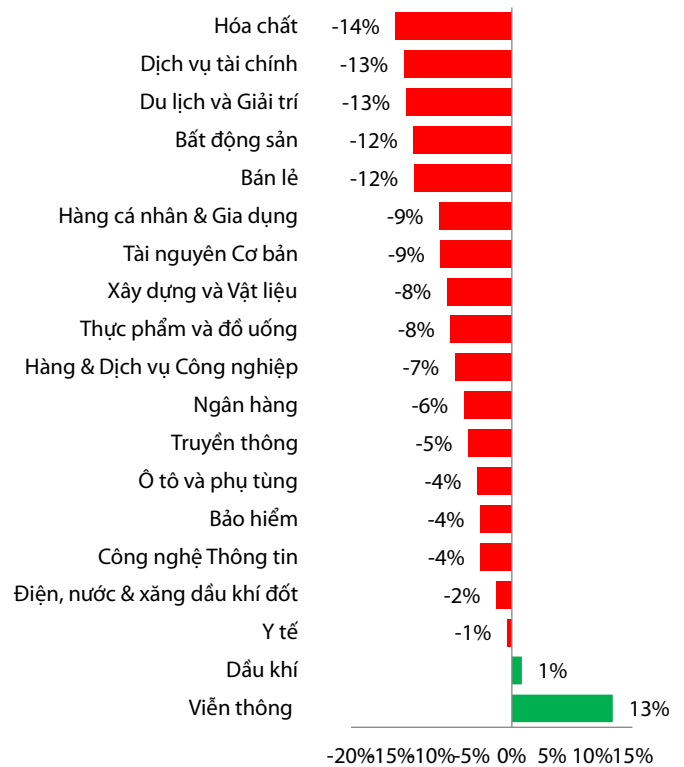
Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

So sánh chỉ số P/E ngành



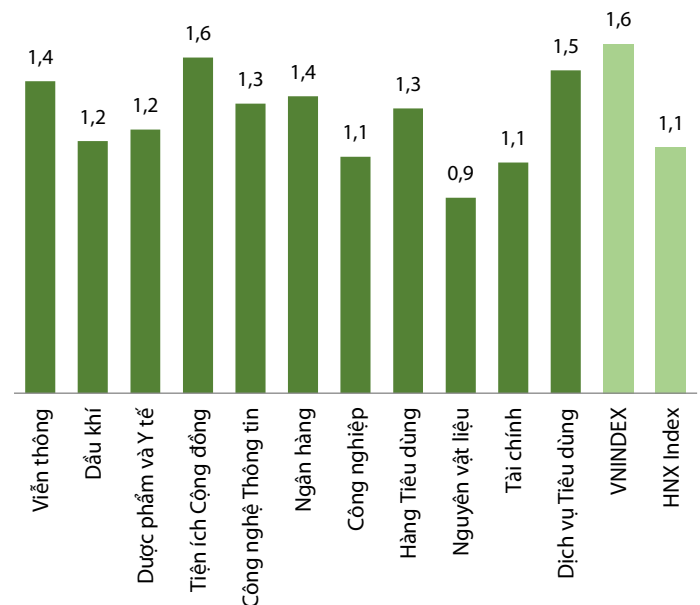
Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt.

Biến động chỉ số nhóm ngành cấp 2



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

So sánh chỉ số P/B ngành



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

Nguyễn Thị Phương Lam **Head of Research**

lam.ntp@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (1313)
• Thị trường
• BĐS Khu công nghiệp

Trần Hà Xuân Vũ **Senior Manager**

vu.thx@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (1512)
• Dầu khí
• Phân bón

Phạm Thị Tố Tâm **Manager**

tam.ptt@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (1530)
• Ngân hàng
• Bảo hiểm
• Vật liệu xây dựng

Đỗ Thanh Tùng **Manager**

tung.dt@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (1521)
• Hàng không
• Logistics
• Thị trường

Nguyễn Thị Ngọc An **Senior Analyst**

an.ntn@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (1541)
• Thực phẩm & Đồ uống
• Ô tô & Phụ tùng

Lê Tự Quốc Hưng **Analyst**

anh.tk@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (1546)
• Thị trường
• Bất động sản KCN

Nguyễn Hồng Loan **Analyst**

loan.nh@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (1531)
• Bán lẻ
• Thủy sản
• Thực phẩm & Đồ uống

Nguyễn Ngọc Thảo **Analyst**

thao.nn@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (1524)
• Tiện ích công cộng
• Ngân hàng

Cao Ngọc Quân **Analyst**

quan.cn@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (2223)
• Cảng biển
• Dược

Trịnh Thị Thu Hoài **Analyst**

hoai.ttt@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (1545)
• Dệt may
• Tiện ích công cộng

Bernard Lapointe **Senior Consultant**

bernard.lapointe@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006

Trần Thị Hà My **Senior Consultant**

my.tth@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006
• Kinh tế vĩ mô

Nguyễn Hà Trinh **Senior Consultant**

trinh.nh@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006

Trần Thị Ngọc Hà **Assistant**

ha.ttn@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (1526)

Bùi Đăng Cát Khánh **Assistant**

khánh.bdc@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. CTCK RỒNG VIỆT tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được CTCK RỒNG VIỆT thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của CTCK RỒNG VIỆT. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của CTCK RỒNG VIỆT đều trái luật. Bản quyền thuộc CTCK RỒNG VIỆT, 2023.

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT - HỘI SỞ

Lầu 1-2-3-4, tòa nhà Viet Dragon
141 Nguyễn Du, P. Bến Thành, Q.1, TP.HCM

T (+84) 28 6299 2006 **E** info@vdsc.com.vn
F (+84) 28 6291 7986 **W** www.vdsc.com.vn

MST 0304734965

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 10, Tòa nhà Eurowindow
02 Tôn Thất Tùng, P. Trung Tự, Q. Đống Đa, Hà Nội

T (+84) 24 6288 2006
F (+84) 24 6288 2008

CHI NHÁNH NHA TRANG

Tầng 7, số 76 Quang Trung, P. Lộc Thọ,
TP. Nha Trang, Khánh Hòa

T (+84) 25 8382 0006
F (+84) 25 8382 0008

CHI NHÁNH CẦN THƠ

Tầng 8, Tòa nhà Sacombank
95-97-99 Võ Văn Tần, P. Tân An, Q. Ninh Kiều, Cần Thơ

T (+84) 29 2381 7578
F (+84) 29 2381 8387

CHI NHÁNH VŨNG TÀU

Tầng 2 VCCI Building, số 155 Nguyễn Thái Học,
P.7, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

T (+84) 25 4777 2006

CHI NHÁNH BÌNH DƯƠNG

Tầng 3 Becamex Tower, số 230 Đại lộ Bình Dương,
P. Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

T (+84) 27 4777 2006

CHI NHÁNH ĐỒNG NAI

Tầng 8 Toà nhà TTC Plaza, số 53-55 Võ Thị Sáu,
P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

T (+84) 25 1777 2006

